

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **61/2017/HNGĐ-ST**
Ngày 27-9-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D,
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hòa;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát Viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Trọng N**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ô4/189 tổ 12, khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt

Bị đơn: Chị **Trần Thị Diễm K**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 05, ấp N, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-8-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Bùi Trọng N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị K tự nguyện chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do từ khi có con chung, vợ chồng bất đồng quan điểm, chị K và mẹ anh xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do chị K cho rằng mẹ anh không biết cách chăm sóc cháu. Chị K về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 6/2016, trong thời gian này chị K ghen tuông vô cớ, gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng vài tháng sau vẫn xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ. Nay anh nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nữa

nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Duy K, sinh ngày 25/5/2016. Hiện nay đang sống với chị K, anh đồng ý giao con chung cho chị K nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ tháng 9/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, chị Trần Thị Diễm K trình bày:

Chị thừa nhận lời trình bày của anh N về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc do vợ chồng đã tìm hiểu 09 - 10 năm mới kết hôn. Tháng 05/2016 chị sinh con, mẹ chồng chị chăm sóc chị và con được 04 tháng, do phải tiếp tục đi học đại học hệ vừa học vừa làm ở huyện Tân Châu nên chị về nhà mẹ ruột chị ở xã C, Huyện D sống để mẹ chị chăm con cho chị đi học được gần hơn và thời gian sắp tới thì đi làm. Cuối năm 2016 chị phát hiện anh N có quan hệ tình cảm với người khác do anh N nhắn tin cho người con gái khác nhưng nhắn nhầm qua điện thoại của chị. Anh N đã năn nỉ chị bỏ qua để tiếp tục sống với nhau vì con nên chị đồng ý. Đầu tháng 3/2017 anh N bị luân chuyển công tác về Công an tỉnh Tây Ninh, anh N cho rằng nguyên nhân do chị nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay chị không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ vì còn thương chồng, chị cam kết sửa đổi tính cách để phù hợp với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Duy K, sinh ngày 25/5/2016. Chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và N vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Trọng N. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N nên không đặt ra giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh N và chị K tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn từ năm 2014. Trước khi anh N, chị K kết hôn thì hai bên đã có thời gian tìm hiểu lâu dài, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do có sự bất đồng quan điểm trong cách nuôi con nhỏ. Đồng thời, anh

N cho rằng chị K ghen tuông vô cớ, gây ảnh hưởng đến công việc của anh, dẫn đến anh bị luân chuyển công tác. Tuy nhiên, anh N, chị K cũng xác định việc luân chuyển công tác là do quy định chung của ngành Công an, anh N không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc anh bị luân chuyển công tác là do lỗi của chị K. Từ tháng 3/2017, anh N, chị K không chung sống là do điều kiện hoàn cảnh công tác, học tập và nuôi con nhỏ của vợ chồng; khi xảy ra mâu thuẫn chị K có thiện chí hàn gắn nhưng anh N không hợp tác, có lời nói, hành vi ngăn cấm chị K và con chung về thăm nom gia đình anh N, không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, là do lỗi của anh N. Nay chị K xác định vẫn còn yêu thương anh N, cam kết sẽ thay đổi tính cách để phù hợp với anh N, mong muốn được đoàn tụ. Thấy rằng, mâu thuẫn giữa anh N, chị K không lớn, mới phát sinh, con chung còn nhỏ; anh N cũng không chứng minh được cuộc sống hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N.

[2] Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N nên không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Anh Bùi Trọng N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Trọng N đối với chị Trần Thị Diễm K.

2. Về con chung, tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Bùi Trọng N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015615 ngày 15-8-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh (đã nộp xong).

3. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA Huyện DMC,
- Các đương sự.
- Lưu tập án, lưu hồ sơ,

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

TẠ THỊ HẠ